

Kế thừa những nhân tố tích cực của các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng trong lịch sử và những tinh hoa của nhân loại; khảo sát và phân tích thực tiễn của chủ nghĩa tư bản, Các Mác và Ăngghen đã sáng lập ra một lý thuyết khoa học về chủ nghĩa xã hội, đó là **chủ nghĩa xã hội khoa học**. Chủ nghĩa Mác (sau này là chủ nghĩa Mác - Lênin) bao gồm ba bộ phận hợp thành là triết học, kinh tế chính trị học mác xít và chủ nghĩa xã hội khoa học, trở thành một học thuyết khoa học và hoàn chỉnh, trở thành hệ tư tưởng khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân hiện đại, soi đường cho cách mạng xã hội chủ nghĩa giải phóng nhân loại khỏi chế độ tư hữu, áp bức bất công và nghèo nàn lạc hậu. Và trong lý thuyết khoa học về chủ nghĩa xã hội Ăngghen với luận điểm: “Muốn chủ nghĩa xã hội trở thành khoa học phải đặt trên mảnh đất hiện thực” đã góp phần quan trọng chỉ ra được một yếu tố quan trọng trên con đường cách mạng xây dựng nhà nước chủ nghĩa xã hội đó là luôn phải gắn liền với hiện thực, thực tế của từng nước- từng quốc gia và tình hình thế giới. Luận điểm cho thấy muốn xây dựng xã hội chủ nghĩa phải xoá bỏ chế độ tư bản, lật đổ giai cấp tư sản, màđổ lật đổđược thì ngoài đấu tranh bằng con đường chính trị thì phải cần đến đấu tranh bằng vũ trang, chiến tranh. Chỉ có như vậy mới đi đến chiến thắng và tránh được thất bại.

Như chúng ta đã biết trước khi ra đời chủ nghĩa Mác thì đã xuất hiện xã hội chủ nghĩa không tưởng thế kỷ 18. Đó là các tư tưởng xã hội chủ nghĩa tiêu biểu của ba nhà tư tưởng: HăngriĐơ Xanh Ximông, SáclPhuriê và Rôbôt Ôoen.

Với HăngriĐơ Xanh Ximông-Ông là người viết nhiều tác phẩm đề cập nhiều nội dung có tính chất xã hội chủ nghĩa. Trước hết, ông có công lao đề cập, luận giả cho lý thuyết về giai cấp và xung đột giai cấp. Mặc

dù ông chưa thể phân định chính xác về nguồn gốc cũng như bản chất kinh tế - xã hội của các giai cấp nhưng đây là một đóng góp mới của ông đối với kho tàng tri thức nhân loại về xã hội nói chung, về tư tưởng xã hội chủ nghĩa nói riêng. Ông tự tuyên bố là phát ngôn của giai cấp cần lao và giải phóng giai cấp ấy là mục đích cuối cùng của những nỗ lực mà ông thực hiện trong cuộc đời. Ông cũng chỉ ra tính chất nửa vời, thiếu triệt để và không vì lợi ích của nhân dân lao động của cuộc Cách mạng Pháp 1798, nên theo ông cần có một cuộc cách mạng mới, một cuộc “tổng cách mạng”. Để thực hiện cuộc cách mạng mới đó, ông chủ trương phải bằng “con đường bình yên chung”, mặc dù thời trẻ ông từng cống hiến sức lực của mình cho cuộc kháng chiến chống xâm lược của những người anh em ở Bắc Mỹ. Quan niệm của ông về chế độ sở hữu của xã hội tương lai cũng chứa đựng một sự mâu thuẫn. Một mặt ông cho rằng, trong xã hội ấy, chế độ sở hữu phải được tổ chức sao cho có lợi nhất cho toàn xã hội. Nhưng mặt khác, ông lại không chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu, mà chỉ cố gắng xoá bỏ sự phân hoá giàu nghèo một cách quá đáng, thông qua và bằng cách thực hiện chế độ tư hữu một cách phổ biến.

Còn Sác lơ Phuriê, sinh ra và lớn lên trong một gia đình thương gia không mấy suôn sẻ trong việc buôn bán, ông sớm được tiếp xúc với thương trường của xã hội tư bản phát triển. Là một người không được học hành đến nói đến chốn, nhưng bù lại ông có một trí thông minh tuyệt vời. Tinh tế trong quan sát, sắc sảo trong nhận xét đánh giá, ông nắm rất vững phép biện chứng trong quan sát, phát hiện và phân tích vấn đề và sử dụng tài tình nguyên tắc antinomi trong trình bày các quan niệm về xã hội... Đó là đặc thù trong nhân cách của Phuriê. Ngay từ khi chủ nghĩa tư bản đang trong buổi bình minh của tự do cạnh tranh, ông đã phát hiện ra tình trạng vô chính phủ của nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Trong nền kinh tế ấy, người lao động

làm ra sản phẩm được hưởng thụ quá ít, trong khi kẻn bám thì lại hưởng thụ quá nhiều, “sự nghèo khổ được sinh ra từ chính sự thừa thãi”. Cũng trên cái nhìn biện chứng ấy, ông đưa ra giai đoạn phát triển lịch sử mà nhân loại đã trải qua: mông muội, dã man, gia trưởng và văn minh. Đánh giá về chế độ văn minh tư bản, ông cho rằng nó chỉ có thể tạo ra sự giàu có nói chung chứ không thể tạo ra sự giàu có cho toàn xã hội. Trên cơ sở cái nhìn biện chứng đối với các tệ nạn xã hội tư bản, ông dự đoán, xã hội văn minh tư bản nhất định sẽ được thay thế bằng chế độ xã hội mới mà ông gọi là “chế độ xã hội được đảm bảo” hay “xã hội hài hoà”. Trong xã hội mới ấy, có sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, mỗi cá nhân sẽ tìm thấy lợi ích của mình trong lợi ích chung của toàn xã hội. Tuy nhiên, cũng như Xanh Ximông, Phuriê không chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu.

Trong những năm 30 của thế kỷ 19 ở nước Anh diễn ra phong trào đòi cải cách tuyển cử có sự tham gia của đông đảo công nhân và lao động Anh. Trong bối cảnh ấy, xuất hiện một nhà cải cách có khuynh hướng cộng sản chủ nghĩa. Ông là Rôbôt Ôoen. Khác với Xanhximông và Phuriê, Ôoen không chỉ đề xướng và kiến nghị những tư tưởng có tính chất xã hội chủ nghĩa, ông còn đề ra và tổ chức thực nghiệm những tình thần được nêu trong *Luật lao động nhân đạo* trong công xưởng nơi ông làm giám đốc. Bằng kinh nghiệm hoạt động thực tế đánh giá cao vai trò của công nghiệp, của tiến bộ kỹ thuật đối với sản xuất và ông thực hiện trong nhà máy của mình ít nhiều đã mang lại những kết quả nhất định trong cải thiện đời sống cho công nhân của ông. Ông là người chủ trương phải xoá bỏ tư hữu vốn là nguyên nhân của những bất công và tệ nạn xã hội trong xã hội tư bản. Bị thất bại và khánh kiệt gia sản do những thực nghiệm đơn độc của mình ở Anh và ở Mỹ,

ông dồn toàn bộ thời gian và sức lực còn lại của cuộc đời vào hoạt động trong phong trào của giai cấp công nhân Anh.

Chúng ta thấy rằng chủ trương xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của ba nhà tư tưởng đều đi đến thất bại. Đó là một kết quả tất yếu vì những lý luận của họ đã đặt trên “ mảnh đất” không hiện thực, giữa chủ trương và đường lối có rất nhiều mâu thuẫn. Họ đưa ra đường lối đấu tranh hết sức hoang đường là: sống hoà bình giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản; rồi việc chiếm hữu tư liệu sản xuất vẫn tồn tại; đấu tranh bằng hình thức đàm phán.... Ta thấy điều này là hết sức phi lí, không đời nào giai cấp tư sản đang nắm giữ tư liệu sản xuất đang giành hết lợi nhuận sản xuất họ lại chịu chia cho giai cấp vô sản, chịu mất quyền lợi. Vì vậy việc đưa ra chủ nghĩa xã hội của họ không phải là khoa học, nó là chủ nghĩa xã hội không tưởng. Muốn chủ nghĩa xã hội là khoa học thì phải xây dựng nó trên nền móng của hiện thực, phải dựa vào những diễn biến thực tế đang xảy ra trong xã hội đó. Và từ cơ sở tổng kết kinh nghiệm cách mạng ở Châu Âu giai đoạn 1848 -1851, Mác và Ăngghen đã phát hiện ra rằng: để giành được quyền thống trị về chính trị, giai cấp công nhân cần đập tan bộ máy quan liêu của nhà nước tư sản thiết lập chuyên chính vô sản - công cụ chủ yếu để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, thực hiện liên minh với quảng đại quần chúng lao động phi vô sản hợp thành động lực căn bản của cách mạng, giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên cơ sở lập trường của giai cấp công nhân, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là một thời kỳ chuyển biến cách mạng lâu dài, đó là thời kỳ quá độ chính trị và nhà nước của thời kỳ đó chính là chuyên chính cách mạng của giai cấp công nhân. Toàn bộ những nguyên lý cơ bản nhất về chủ nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết về giá trị thặng dư chính là cơ sở khoa

học vững chắc cho việc tiêu diệt chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa xã hội khoa học đích thực.

Khái niệm “chủ nghĩa xã hội” có nghĩa rộng hơn khái niệm “chủ nghĩa xã hội khoa học”. Vì vậy để xây dựng được chủ nghĩa xã hội khoa học ta phải hiểu rõ về chủ nghĩa xã hội sau đó thông qua hoạt động thực tiễn đúng đắn và có hiệu quả một khi có được lý thuyết khoa học dẫn dắt thì việc xây dựng được chủ nghĩa xã hội là tất yếu. Và nó sẽ là cơ sở dẫn đến thắng lợi của cách mạng vô sản.

Qua những phân tích trên ta thấy rằng với luận điểm : “muốn chủ nghĩa xã hội thành khoa học phải đặt trên mảnh đất hiện thực” đã trở thành kim chỉ nam cho những tư tưởng, đường lối xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa sau này. Nó góp phần hạn chế những chủ trương hoạt động cách mạng vô sản sai lầm dẫn đến thất bại làm ảnh hưởng đến hoạt động cách mạng trên toàn thế giới.

Và từ luận điểm đó đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam đã có sự vận dụng lý luận không ngừng của Đảng ta. Lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm kim chỉ nam và dựa trên thực tế tình hình đất nước, Đảng ta đã đề ra những đường lối đấu tranh cách mạng đúng đắn. Đó là đất nước ta đang bị kẻ thù xâm lược và vẫn còn chế độ phong kiến vì vậy phải thực hiện cuộc cách mạng tư sản dân quyền rồi sau đó mới tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Rồi đến sau năm 1954 do đất nước bị chia làm hai miền, miền Bắc được giải phóng trong khi đó miền Nam đang bị đế quốc Mỹ xâm chiếm. Đảng ta đã chủ trương tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc còn miền Nam thì tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Sau khi cả nước thống nhất năm 1975 thì ta tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước. Và cuối cùng cuộc cách mạng xã hội của nước ta đã đi đến thắng lợi rực rỡ. Điều đó là

một minh chứng rõ nét cho sự đúng đắn của luận điểm : “muốn chủ nghĩa xã hội thành khoa học phải đặt trên mảnh đất hiện thực” của Ăngghen. Đảng ta đã tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên hiện thực của đất nước mà vẫn theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lê nin đã chọn. Chúng ta không tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước khi miền Nam chưa giải phóng mà tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam để thống nhất đất nước và chúng ta cũng không đợi đất nước hoàn toàn giải phóng mới tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Khi tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là chúng ta đã xây dựng một hậu phương vững chắc để tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền nam đi đến thống nhất đất nước. Và cho đến nay Đảng, nhà nước ta vẫn vận dụng luận điểm trên trong công cuộc xây dựng đất nước. Đó là những chính sách mở cửa, những hội nhập cho nền kinh tế phù hợp với tình hình đất nước và thế giới mà vẫn theo con đường xã hội chủ nghĩa đã chọn.